

6 Đề kiểm tra giữa học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 1 năm 2019 - 2020

Đề 1

1. Kiểm tra đọc

a) Đọc thành tiếng các vần: ai, ôi, oi, on

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ: cái bàn, ngôi sao, bơi lội, con dơi.

c) Đọc thành tiếng các câu:

Nhà bà em có vườn nhãn.

Em rất thích hái quả chín trong vườn.

d) Nối ô chữ cho thích hợp:

hương cốm

lục tục đi tìm mồi

đàn gà

soi sáng sân nhà em

ánh trăng

thơm lừng

tre đằng ngà

cao vút

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống:

on hay an: c.... gà, cái b..'..

ia hay ai: cây m..'.., cổ ch...

2. Kiểm tra viết

a) Vần: ua, ưa, uôi, uy, eo

b) Từ ngữ: cua đá, ngựa ô, đu qua, chú mèo

c) Câu:

Suối chảy rì rào

Gió reo lao xao

Bé ngồi thổi sáo.



HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a) Đọc thành tiếng các vần (2 điểm)

- Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0,4 điểm/vần.
- Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/vần): không có điểm.

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ (2 điểm)

- Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0,4 điểm/từ ngữ.
- Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

c) Đọc thành tiếng các câu văn (2 điểm)

- Đọc đúng, to, rõ ràng, trôi chảy: 1 điểm/câu.
- Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

d) Nói ô từ ngữ (2 điểm)

- Đọc hiểu và nói đúng: 0,5 điểm/cặp từ ngữ.

- Các cặp từ ngữ nói đúng:

hương cốm — thơm lừng; đàn gà — lục tục đi tìm mồi; ánh trăng – soi

sáng sân nhà em; tre đằng ngà – cao vút.- Nói sai hoặc không nói được: không có điểm.

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống (2 điểm)

- Điền đúng: 0,5 điểm/vần.
- Các vần điền đúng: con gà, cái bàn, cây mía, cổ' chai
- Điền sai hoặc không điền được: không có điểm.

2. Kiểm tra viết (10 điểm)

a) Vần (2 điểm)

- Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,4 điểm/vần.
- Viết sai hoặc không viết: không có điểm.



b) Từ ngữ (4 điểm)

- Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,6 điểm/chữ
- Viết đúng không đều nét, không đúng cỡ chữ: 0,25 điểm/chữ.
- Viết sai hoặc không viết được: không có điểm.

c) Câu (4 điểm)

- Viết đúng các từ ngữ trong câu, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 1 điểm/câu (dòng thơ).
- Viết sai hoặc không viết: không có điểm.

Đề 2

1. Kiểm tra đọc

a) Đọc thành tiếng các vần: ịa, oi, ui, âu

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ: gửi quà, nhà ngói, cây cầu, tria ngô

c) Đọc thành tiếng các câu:

Mùa thu, bầu trời như cao hơn.

Trên giàn thiên lí, lũ chuồn chuồn ngẩn ngơ bay lượn.

d) Nối ô chữ cho thích hợp:

sóng biển

thơm mát

khóm hoa

yên tĩnh

mặt hồ

lượn lờ

đàn cá

vỗ nhẹ

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống:



ui hay uôi: V... về, con r...'

ui hay uoi: tươi c...'.. khung c...'...

2. Kiểm tra viết

a) Vần: êu, ây, ưa, ua, ao

b) Từ ngữ: cái phễu, đám mây, quả dưa, ngôi sao

c) Câu:

Khi đi em hỏi

Khi về em chào

Miệng em chúm chím

Mẹ yêu không nào.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a) Đọc thành tiếng các vần (2 điểm)

– Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0,4 điểm/vần.

– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/vần): không có điểm.

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ (2 điểm)

– Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0.4 điểm/từ ngữ.

– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

c) Đọc thành tiếng các câu văn (2 điểm)

– Đọc đúng, to, rõ ràng, trôi chảy: 1 điểm/câu.

– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

d) Nói ô từ ngữ (2 điểm)

– Đọc hiểu và nói đúng: 0.5 điểm/cặp từ ngữ.

– Các cặp từ ngữ nói đúng:

sóng biển – vỗ nhẹ; khóm hoa – thơm mát; mặt hồ – yên tĩnh; đàn cá –



lượn lờ.

– Nối sai hoặc không nối được: không có điểm,

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống (2 điểm)

– Điền đúng: 0,5 điểm/vần.

– Các vần điền đúng: vui vẻ, con ruồi, tươi cười, khung cửa.

– Điền sai hoặc không điền được: không có điểm.

2. Kiểm tra viết (10 điểm)

a) Vần (2 điểm)

– Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,4 điểm/Vần.

– Viết sai hoặc không viết: không có điểm.

b) Từ ngữ (4 điểm)

– Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,5 điểm/chữ.

– Viết đúng, không đều nét, không đúng cỡ chữ: 0,25 điểm/chữ

– Viết sai hoặc không viết được: không có điểm.

c) Câu (4 điểm)

– Viết đúng các từ ngữ trong câu, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 1 điểm/câu (dòng thơ).

– Viết sai hoặc không viết: không có điểm.

Đề 3

1. Kiểm tra đọc

a) Đọc thành tiếng các vần: ach, ich, inh, uê

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ: vạn tuế, sạch sẽ, khúc khích, thông minh, lướt thướt

c) Đọc thành tiếng các câu:

Gió tây âm ào kéo đến, cây cối ngã nghiêng.



Đàn kiến hành quân đi nơi khác.

d) Nối ô chữ cho thích hợp:

luồng rau

lạnh lẽo

dòng sông

mơ mẩn

ánh nắng

uốn lượn

mùa đông

chói chang

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống:

ân hay uân: mùa x.... , bạn th.....

ng hay ngh:ôi nhà,e nhạc

2. Kiểm tra viết

a) Vần: iêm, iên, iêu, yêm, iêc

b) Từ ngữ: hiếu thảo, diễn viên, thanh kiếm, yếm lụa

c) Câu:

Cơn mưa nào lạ thế

Thoáng qua rồi tạnh ngay

Em về nhà hỏi mẹ

Mẹ cười: “Mưa bóng mây”.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)



a) Đọc thành tiếng các vần (2 điểm)

- Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0,4 điểm/vần.
- Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/vần): không có điểm.

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ (2 điểm)

- Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0,4 điểm/ từ ngữ.
- Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

c) Đọc thành tiếng các câu văn (2 điểm)

- Đọc đúng, to, rõ ràng, trôi chảy: 1 điểm/câu.
- Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

d) Nói ô từ ngữ (2 điểm)

- Đọc hiểu và nói đúng: 0,5 điểm/cặp từ ngữ.
- Các cặp từ ngữ nói đúng:

luông rau – mơn mơn; dòng sông – uốn lượn;

ánh nắng – chói chang; mùa đông – lạnh lẽo.

- Nói sai hoặc không nói được: không có điểm-

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống (2 điểm)

- Điền đúng: 0,5 điểm/vần.
- Các vần điền đúng: mùa xuân, bạn thân, ngôi nhà, nghe nhạc
- Điền sai hoặc không điền được: không có điểm.

2. Kiểm tra viết (10 điểm)

a) Vần (2 điểm)

- Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,4 điểm/vần.
- Viết sai hoặc không viết: không có điểm.

b) Từ ngữ (4 điểm)

- Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,5 điểm/chữ.



– Viết đúng, không đều nét, không đúng cỡ chữ: 0,25 điểm/chữ.

– Viết sai hoặc không viết được: không có điểm.

c) Câu (4 điểm)

– Viết đúng các từ ngữ trong câu, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 1 điểm/câu (dòng thơ).

– Viết sai hoặc không viết: không có điểm.

Đề 4

1. Kiểm tra đọc

a) Đọc thành tiếng các vần: êu, âu, on, an

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ: trái dâu, quả bầu, lon ton, khăn bàn

c) Đọc thành tiếng các câu:

Con sông êm ả xuôi dòng,

Những con đò dập dềnh trên sóng nước.

d) Nối ô chữ cho thích hợp:

con trâu

thay lá

cây bàng

táp nập

chim hải âu

Bay lượn

xe cộ

gặm cỏ

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống:

ui hay uôi: con m...~.. ngọt bùi



on hay an: xà l... , bé chạy lon t...

2. Kiểm tra viết

a) Vần: iêc, inh, ươt, ênh, ăng

b) Từ ngữ: xem xiếc, non nước, học sinh, lênh khênh

c) Câu:

Mùa thu mới chớm nhưng nước đã trong vắt, trông thấy cả hòn cuội trắng tinh nằm dưới đáy. Nhìn hai bên bờ sông, cỏ cây và những làng gần, núi xa luôn luôn mới.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a) Đọc thành tiếng các vần (2 điểm)

– Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0.4 điểm/vần.

– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/vần): không có điểm.

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ (2 điểm)

– Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0,4 điểm/từ ngữ.

– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

c) Đọc thành tiếng các câu văn (2 điểm)

– Đọc đúng, to, rõ ràng, trôi chảy: 1 điểm/câu.

– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

d) Nói ô từ ngữ (2 điểm)

– Đọc hiểu và nói đúng: 0,5 điểm/cặp từ ngữ.

– Các cặp từ ngữ nói đúng:

con trâu – gặm cỏ; cây bàng – thay lá;

chim hải âu – bay lượn; xe cộ - tập nập.

– Nói sai hoặc không nói được: không có điểm.



e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống (2 điểm)

– Điền đúng: 0,5 điểm/vần.

– Các vần điền đúng: con muỗi, ngọt bùi, xà lan, bé chạy lon ton.

– Điền sai hoặc không điền được: không có điểm.

2. Kiểm tra viết (10 điểm)

a) Vần (2 điểm)

– Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,4 điểm/vần.

– Viết sai hoặc không viết: không có điểm.

b) Từ ngữ (4 điểm)

– Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,5 điểm/chữ.

– Viết đúng, không đều nét, không đúng cỡ chữ: 0,25 điểm/chữ.

– Viết sai hoặc không viết được: không có điểm.

c) Câu (4 điểm)

– Viết đúng các từ ngữ trong câu, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: % điểm/câu (dòng thơ).

– Viết sai hoặc không viết: không có điểm.

Đề 5

1. Kiểm tra đọc

a) Đọc thành tiếng các vần: ưa, ay, ia, uoi

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ: rửa mặt, lá tía tô, lưỡi dao, máy may

c) Đọc thành tiếng các câu:

Ban ngày, sẽ mãi đi kiếm mồi,

Tối đến, sẽ mới có thời gian âu yếm đàn con.

d) Nói ô chữ cho thích hợp :



dàn bướm

rì rào

gió thổi

bay lượn

chú Tuấn

du dương

tiếng hát

thổi sáo

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống:

ui hay uoi: c...~. ngựa, t.... cười

ui hay uôi: con m...~.. m.'.. cam

2. Kiểm tra viết

a) Vần: ui, ua, ôi, oi, ai

b) Từ ngữ: bó củi, bò sữa, mặt trời, trái lựu

c) Câu:

Ai trồng cây

Người đó có hạnh phúc

Trên vòm cây

Chim hót lời mê say.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a) Đọc thành tiếng các vần (2 điểm)

– Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0,4 điểm/vần.

– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/vần): không có điểm.

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ (2 điểm)

– Đọc đúng, to, rõ ràng, đảm bảo thời gian quy định: 0,4 điểm/từ ngữ.

– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

c) Đọc thành tiếng các câu văn (2 điểm)

– Đọc đúng, to, rõ ràng, trôi chảy: 1 điểm/câu.

– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): không có điểm.

d) Nói ô từ ngữ (2 điểm)

– Đọc hiểu và nói đúng: 0,5 điểm/cặp từ ngữ.

– Các cặp từ ngữ nói đúng:

đàn bướm – bay lượn; gió thổi – rì rào;

chú Tuấn – thổi sáo; tiếng hát – du dương.

– Nói sai hoặc không nói được: không có điểm.

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống (2 điểm)

– Điền đúng: 0,5 điểm/vần.

– Các vần điền đúng: cười ngựa, tươi cười, con muỗi, múi cam.

– Điền sai hoặc không điền được: không có điểm.

2. Kiểm tra viết (10 điểm)

a) Vần (2 điểm)

– Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,4 điểm/vần.

– Viết sai hoặc không viết: không có điểm.

b) Từ ngữ (4 điểm)

– Viết đúng, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 0,5 điểm/chữ.

– Viết đúng, không đều nét, không đúng cỡ chữ: 0,25 điểm/chữ.

– Viết sai hoặc không viết được: không có điểm.



c) Câu (4 điểm)

– Viết đúng các từ ngữ trong câu, thẳng dòng, đúng cỡ chữ: 1 điểm/câu (dòng thơ).

– Viết sai hoặc không viết: không có điểm.

Đề 6

I. Phân tích ngữ âm:

Câu 1: Thành ngữ “**Ghi lòng tạc dạ**” có mấy tiếng?

Câu 2: Tiếng dạ có thanh gì?

Câu 3: Phần đầu tiếng dạ là âm gì?

Câu 4: Trong tiếng dạ âm nào là phụ âm, âm nào là nguyên âm đưa vào mô hình?

Câu 5: Kẻ mô hình tiếng có 2 phần, đưa tiếng **ghi** vào mô hình:

.....

.....

.....

.....

II. Chính tả:

Bài 1: Điền vào chữ in nghiêng



- a. *ve* đẹp
- b. *ngo* lời
- c. *ngo* vắng

Bài 2: Điền vào chỗ trống:

- a. (gi / d / r): cá...ô; ...ồ tô; con ...ê
- b.(ng/ ngh):..... í hê; cây ... ô;....ấm ...ĩ

III. KIỂM TRA VIẾT

1. Viết âm, vần, tiếng, từ

(Giáo viên đọc lần lượt 3 âm, 3 vần, 3 tiếng, 3 từ bất kỳ trong phần đọc âm, vần, tiếng, từ cho học sinh viết. Thời gian nhiều nhất để học sinh viết âm, viết vần là 6 phút, viết tiếng là 4 phút, viết từ là 5 phút).

.....

.....

.....

2. Viết câu (Giáo viên đọc đoạn thơ cho học sinh viết. Thời gian nhiều nhất để học sinh viết là 20 phút).

Mẹ đi làm
 Từ sáng sớm
 Dậy thổi cơm
 Mua thịt cá
 Em kê má
 Được mẹ yêu
 Ơi mẹ ơi
 Con yêu mẹ lắm.

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN:

I. Phân tích ngữ âm:

Mỗi câu đúng 2 điểm: $2 \times 5 = 10$

Câu 1: 4 tiếng

Câu 2: Thanh nặng

Câu 3: Phần đầu: âm /d / phần vần âm /a /

Câu 4: Phụ âm /d /nguyên âm / a /

Câu 5: Vẽ mô hình tiếng có hai phần, đưa tiếng ghi vào mô hình.

II. Chính tả:

Bài 1: Điền vào chữ in nghiêng

a. *Vẻ* đẹp

b. *ngỏ* lời

c. *ngõ* vắng

Bài 2: (3 điểm) mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm.

a. (gi / d / r): cá *rô*; **gi**ỗ tổ; con *dê*

b. (ng/ ngh): **ng**hĩ hê; cây *ngô*; **ng**ẫm *ng*hĩ

- **Trình bài, chữ viết (1 điểm)**

Ngoài ra các em học sinh có thể tham khảo thêm:

<https://vndoc.com/de-thi-giua-ki-1-lop-1>